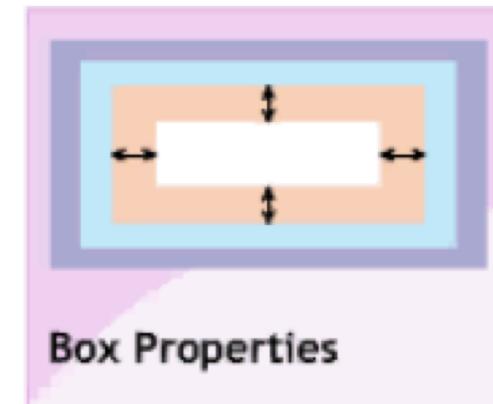
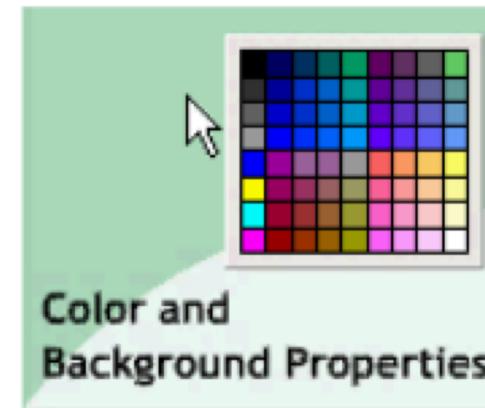


## Chương 6

- Thuộc tính Color và Background.
- Thuộc tính Border.
- Thuộc tính Box



Box Properties

# Thuộc tính color

- Css cung cấp thuộc tính color cho phép định nghĩa màu chữ và màu nền.
- Giá trị gán cho thuộc tính màu có thể là tên màu, giá trị RGB, hoặc giá trị hệ Hexa.

```
.windows
{
    color:#cc0000;
}
.mac
{
    color:Blue;
}
.unix
{
    color:rgb(0,125,0);
}
```



# Thuộc tính Background

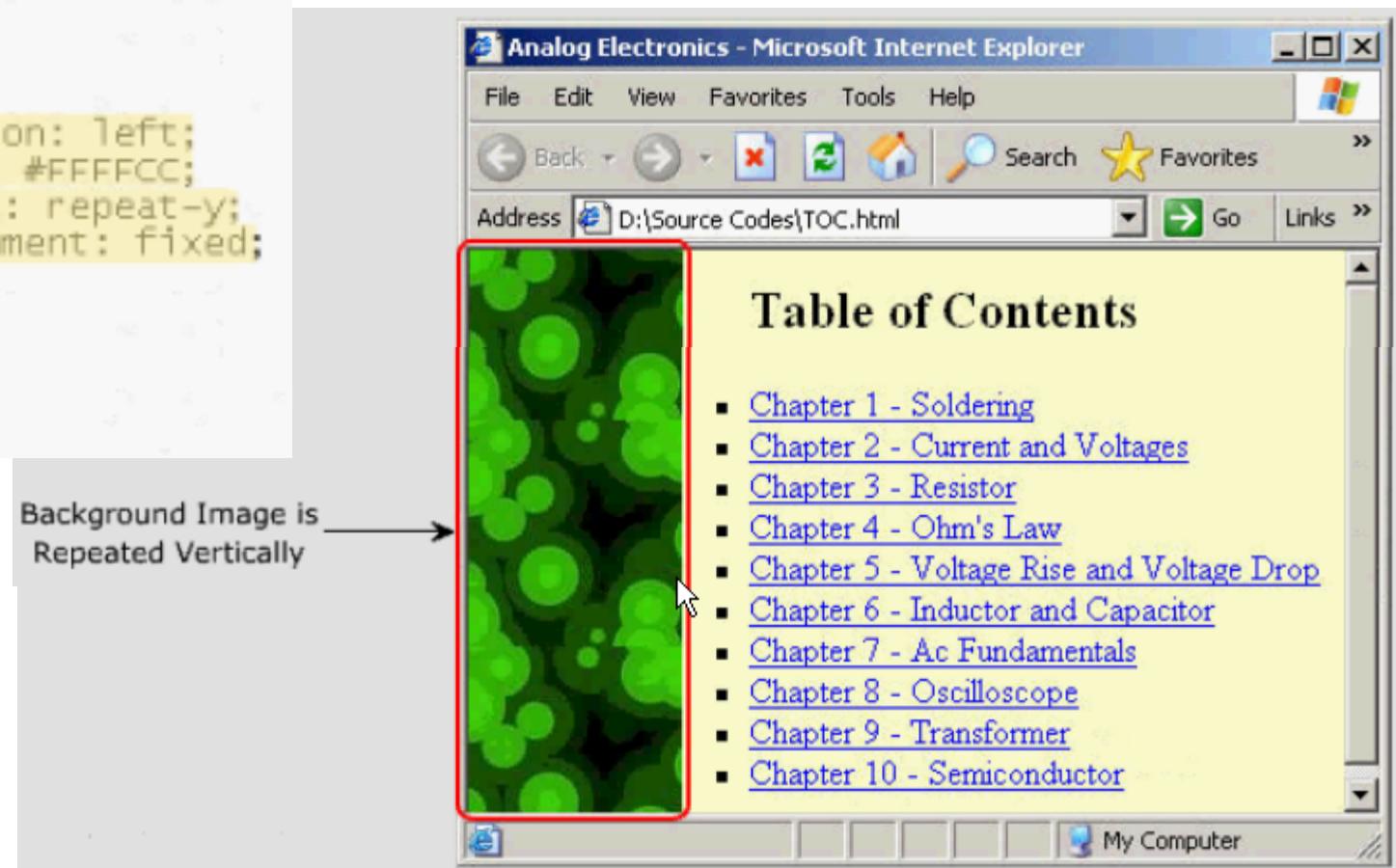
- Thuộc tính Background của CSS giúp bạn có thể xác định màu nền, ảnh nền cho trang Web.

Property	Description	Value	Syntax
background-attachment	Specifies whether the background image should scroll with the content or should be fixed.	scroll, fixed	background-attachment: One of the background-attachment values
background-color	Specifies the background color of an element.	color-rgb, color-hex, color-name, transparent	background-color: One of the background-color values
background-image	Specifies the background image of an element.	URL, none	background-image: One of the background-image values
background-position	Specifies the position for background image.	top left, top center, top right, center left, center center, center right, bottom left, bottom center, bottom right, x%, y%, xpos ypos	background-position: One of the background-position values
background-repeat	Specifies whether the background image should repeat or not.	repeat, repeat-x, repeat-y, no-repeat	background-repeat: One of the background-repeat values

# Thuộc tính Background

```
BODY
{
    background-image:
url('texture.jpg');
    background-position: left;
    background-color: #FFFFCC;
    background-repeat: repeat-y;
    background-attachment: fixed;
}
.contents
{
    text-indent: 5em;
}
```

Background Image is  
Repeated Vertically



- Border là một viền hình chữ nhật bao quanh một phần tử.
- Thuộc tính border của CSS cho phép tạo đường viền quanh văn bản, hay hình ảnh.
- Thuộc tính border-style dùng để xác định kiểu đường viền (nét liền, nét đứt, nét đôi, chấm chấm ...)

Property	Description
border-bottom-style	Specifies the style for the bottom border.
border-left-style	Specifies the style for the left border.
border-right-style	Specifies the style for the right border.
border-top-style	Specifies the style for the top border.

- Thuộc tính border-color chỉ ra màu của đường viền

Property	Description
border-bottom-color	Specifies the color for the bottom border.
border-left-color	Specifies the color for the left border.
border-right-color	Specifies the color for the right border.
border-top-color	Specifies the color for the top border.

- Thuộc tính border-width chỉ ra kích thước đường viền

Property	Description
border-bottom-width	Specifies the width of the bottom border.
border-left-width	Specifies the width of the left border.
border-right-width	Specifies the width of the right border.
border-top-width	Specifies the width of the top border.

Giá trị cho thuộc tính

Value	Description
medium	Specifies a medium border. This is the default value.
length	Accepts an explicit value that specifies the thickness of border.
thick	Specifies a thick border.
thin	Specifies a thin border.

# Thuộc tính margin

- Lè (margin) là khoảng trắng bao quanh nội dung nằm trong một phần tử.
- Thuộc tính margin được dùng để xác định 4 lè (trên, dưới, trái, phải) bao quanh nội dung. Giá trị cho thuộc tính có thể là giá trị tương đối hoặc tuyệt đối.
- Tuy nhiên có thể xác định riêng từng lè với các thuộc tính cho ở bảng sau:

Property	Description
margin-bottom	Specifies the margin to the bottom of an element.
margin-left	Specifies the margin to the left of an element.
margin-right	Specifies the margin to the right of an element.
margin-top	Specifies the margin to the top of an element.

Property	Value
auto	Specifies a margin automatically.
length	Specifies the length of the margin in px, ex, and so on. The default value is 0.
%	Specifies the margin in percentage.

# Thuộc tính margin

```
.format
{
    background-color: #FFFFCC;
    border: solid thin red;
    margin-top: 5%;
    margin-left: 5%;
    margin-right: 5%;
}
```

**Application For Employment**

**Personal Information**

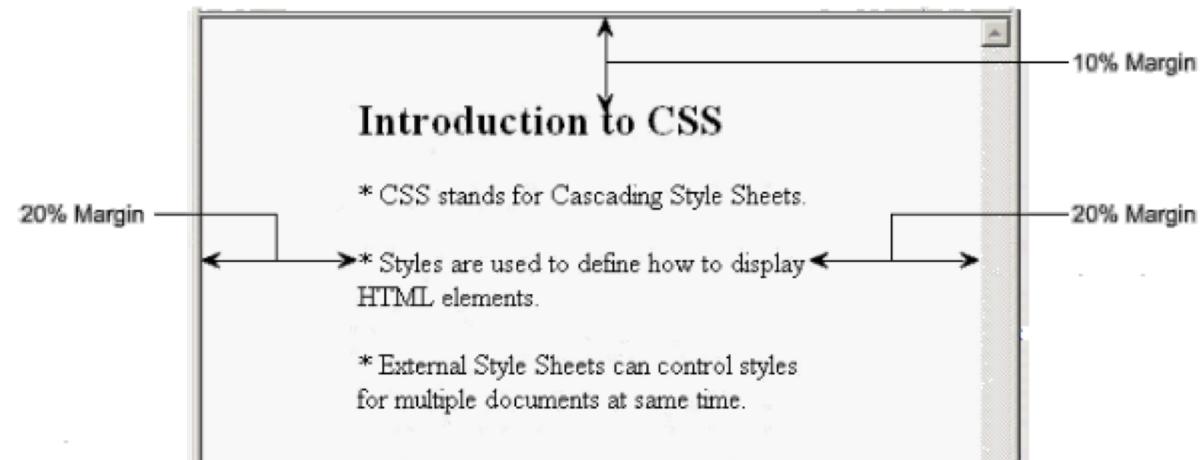
Enter Name:

Enter E-mail:



5% Margin

```
BODY
{
    margin: 10% 20% 0% 20%;
```



# Thuộc tính padding

- Padding là khoảng trắng giữa đường biên của phần tử với nội dung của nó.
- Thuộc tính padding được dùng để xác định tất cả 4 cạnh (trên, dưới, trái, phải). Giá trị cho thuộc tính có thể là giá trị tương đối hoặc tuyệt đối.
- Tuy nhiên có thể xác định riêng padding cho từng cạnh với các thuộc tính cho ở bảng sau:

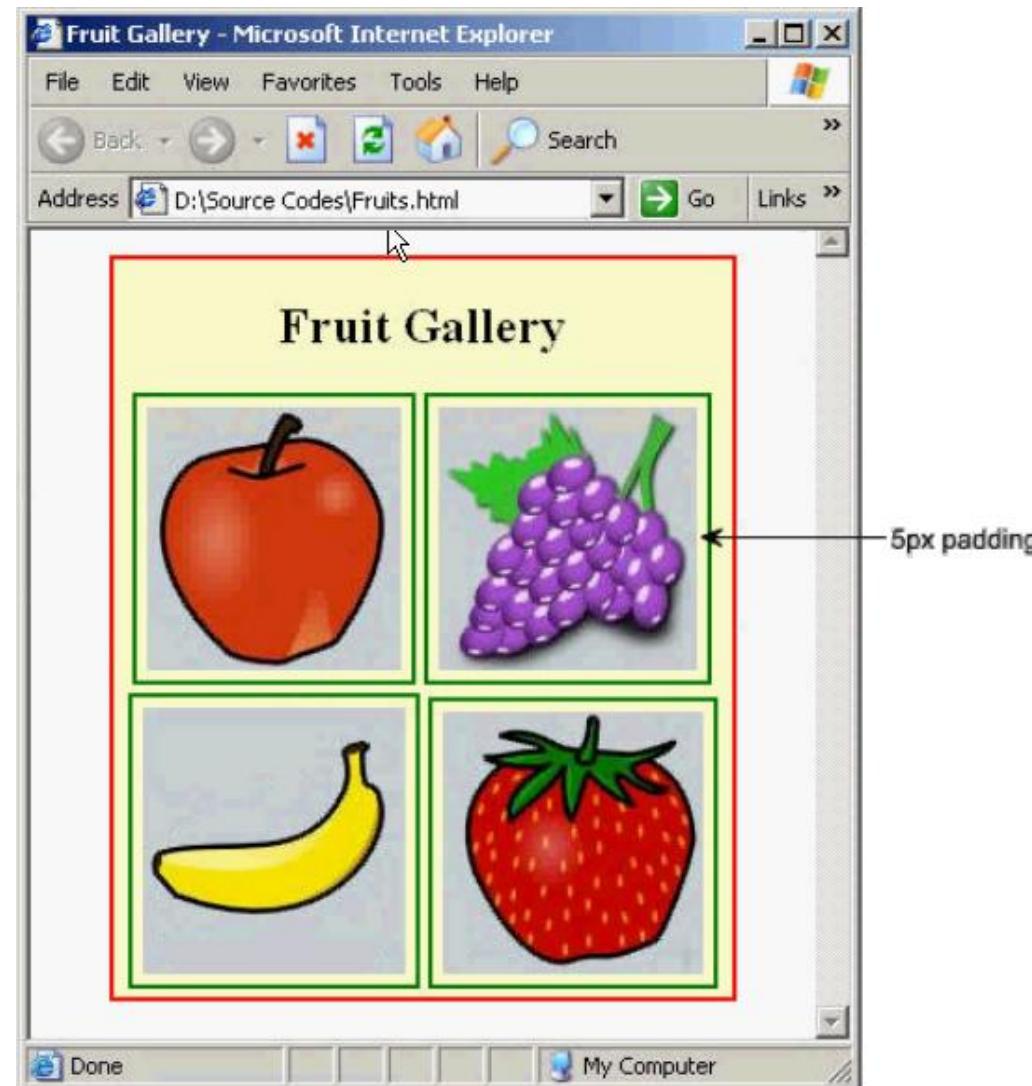
Property	Description
padding-bottom	Specifies the padding from the bottom of an element.
padding-left	Specifies the padding from the left of an element.
padding-right	Specifies the padding from the right of an element.
padding-top	Specifies the padding from the top of an element.

Value	Description
length	Specifies the padding value is px, ex, and so on. The default value is 0.
%	Specifies the padding value in percentage.

# Thuộc tính padding

- Ví dụ

```
:fruits
{
    padding-left: 5px;
    padding-top: 5px;
    padding-right: 5px;
    padding-bottom: 5px;
    border: solid thin green;
}
```



# Thuộc tính padding

- Ví dụ

```
.banner
{
    padding: 10px 0 10px 0;
    border: solid thin green;
    background-color: silver;
    text-align: center;
}
```



# Thuộc tính float

- Float (theo như nghĩa tiếng Việt là thả trôi) là một thuộc tính CSS dùng để cố định một thành phần web về bên trái hay bên phải không gian bao quanh nó.
- Đây là một thuộc tính rất cần thiết khi dàn trang (như tạo các trang web 2 column layout hay 3 column layout), hiển thị văn bản thành cột.
- Thuộc tính float có 3 giá trị:
  - Left: Cố định phần tử về bên trái.
  - Right: Cố định phần tử về bên phải.
  - None: Bình thường.



- Đi cùng với thuộc tính float, trong CSS còn có một thuộc tính là clear.
- Là một thuộc tính thường được gán vào các phần tử liên quan tới phần tử đã được float để quyết định hướng xử sự của phần tử này.
- Thuộc tính clear có 4 thuộc tính: left (tràn bên trái), right (tràn bên phải), both (không tràn) và none.

# Ví dụ layout

